

**KẾT QUẢ KHẢO SÁT NĂNG LỰC TIẾNG ANH KÌ THI NGÀY 24/4/2022
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM VÀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG**

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
						Nghe - Đọc - Viết	Nói			
1	200001	32301194382	Trà Thị Ái	20/01/1994	19DMN.SP	6.3	8.0	6.7	Đạt	
2	200002	32301184681	Trương Thị Thúy An	09/03/2000	18DMN.SP	4.2	8.0	5.2	Đạt	
3	200003	32301184682	Nguyễn Thúy An	11/01/2000	18DMN.SP	7.6	8.8	7.9	Đạt	
4	200004	32301194383	Trần Thị Thúy An	02/11/2001	19DMN.SP	6.0	8.0	6.5	Đạt	
5	200005	31604205001	Phạm Thị Vân An	07/11/1980	20LCDAN.SP	5.6	8.8	6.4	Đạt	
6	200006	32301205364	Nguyễn Thị Hoài An	20/03/1999	20LTDMN.SP	5.8	8.0	6.4	Đạt	
7	200007	32301184791	Vương Thị Quỳnh Anh	31/07/2000	18DMN.DN1	4.7	8.0	5.5	Đạt	
8	200008	32301184683	Trần Thị Kim Anh	19/05/2000	18DMN.SP	6.0	8.0	6.5	Đạt	
9	200009	32301184684	Lê Thị Kim Anh	19/02/1999	18DMN.SP	4.7	8.0	5.5	Đạt	
10	200010	32301194448	Nguyễn Thị Kim Anh	17/08/2001	19DMN.DN3	6.6	8.4	7.1	Đạt	
11	200011	32201205130	Huỳnh Thị Vân Anh	04/02/1995	20DTHB2.SP	6.4	8.4	6.9	Đạt	
12	200012	32301205365	Nguyễn Thị Phương Anh	11/04/1995	20LTDMN.SP	5.2	8.0	5.9	Đạt	
13	200013	32301174234	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	26/04/1996	17LTDMN.SP1	5.4	8.4	6.2	Đạt	
14	200014	32301184792	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/08/1999	18DMN.DN1	5.3	8.8	6.2	Đạt	
15	200015	32301184686	Nguyễn Thị Hồng Ánh	21/11/2000	18DMN.SP	5.1	8.0	5.8	Đạt	
16	200016	32301194449	Phan Thị Ngọc Ánh	19/01/1998	19DMN.DN3	4.2	8.0	5.2	Đạt	
17	200017	32201205131	Phạm Thị Ngọc Ánh	02/11/1996	20DTHB2.SP	7.4	9.6	8.0	Đạt	
18	200018	32301205322	Trần Thị Kim Ánh	28/12/1997	20LTDMN.DN2	5.1	8.0	5.8	Đạt	
19	200019	31604205004	Huỳnh Thị Thu Ba	01/02/1982	20LCDAN.SP	4.9	8.0	5.7	Đạt	
20	200020	31604205005	Phạm Quốc Bảo	01/05/1979	20LCDAN.SP	5.9	7.6	6.3	Đạt	
21	200021	32301205323	Nguyễn Thị Như Bảo	09/04/2001	20LTDMN.DN2	5.9	9.2	6.7	Đạt	
22	200022	32201194541	Vô Thị Bảy	02/02/1981	19LCDTH.SP	5.4	9.2	6.4	Đạt	
23	200023	32301215001	Cao Thị Bé	10/06/1994	20LTDMN.DN1	5.2	8.0	5.9	Đạt	
24	200024	32301194231	Phan Thị Bi	30/08/1994	19LTDMN.SP1	5.4	8.0	6.1	Đạt	
25	200025	32301194386	Nguyễn Thị Thanh Bình	24/04/2001	19DMN.SP	4.6	8.0	5.5	Đạt	
26	200026	32301205366	Lê Thị Bông	25/01/1991	20LTDMN.SP	6.1	8.4	6.7	Đạt	
27	200027	32301194451	Nguyễn Thị Minh Châu	15/10/1998	19DMN.DN3	5.3	9.6	6.4	Đạt	
28	200028	32301194387	Nguyễn Thị Quỳnh Châu	14/05/2001	19DMN.SP	5.8	8.0	6.4	Đạt	
29	200029	32301205002	Vô Thị Minh Châu	09/05/2000	20DMN.DN3	6.0	8.0	6.5	Đạt	
30	200030	32301205367	Nguyễn Thị Minh Châu	02/04/1997	20LTDMN.SP	3.9	8.0	4.9	Đạt	
31	200031	32301194388	Hoàng Kim Chi	04/11/2000	19DMN.SP	7.8	8.0	7.9	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
							Nghe - Đọc - Viết	Nói			
32	200032	32301205070	Ngô Thị Phương	Chi	20/06/1978	20LTDMN.DN1	8.9	9.6	9.1	Đạt	
33	200033	32201194563	Nguyễn Thị	Chí	05/06/1987	19LTDTH.SP	8.6	9.2	8.8	Đạt	
34	200034	31604205007	Phạm Thị	Chín	01/01/1975	20LCDAN.SP	7.6	8.8	7.9	Đạt	
35	200035	31604205008	Ngô Thị Hằng	Chinh	14/04/1975	20LCDAN.SP	7.8	8.0	7.9	Đạt	
36	200036	32301184688	Phạm Thị	Chung	19/08/1998	18DMN.SP	7.7	9.6	8.2	Đạt	
37	200037	31604205009	Mai Tấn	Công	01/02/1979	20LCDAN.SP	5.0	8.8	6.0	Đạt	
38	200038	32301194389	Y	Đại	25/11/1999	19DMN.SP	6.6	8.0	7.0	Đạt	
39	200039	31604205010	Nguyễn Lương	Danh	20/11/1985	20LCDAN.SP	7.6	8.0	7.7	Đạt	
40	200040	32301205369	Ngô Thị	Đạo	05/04/1990	20LTDMN.SP	6.9	8.0	7.2	Đạt	
41	200041	32301184793	Huỳnh Thị Ngọc	Diễm	19/10/2000	18DMN.DN1	7.4	8.0	7.6	Đạt	
42	200042	32301184690	Đỗ Thị Mỹ	Diễm	29/09/1996	18DMN.SP	6.1	8.0	6.6	Đạt	
43	200043	32301194452	Huỳnh Hoàng	Diễm	04/01/1998	19DMN.DN3	6.6	8.0	7.0	Đạt	
44	200044	32201205182	Trần Thị Thúy	Diễm	31/07/1997	20DTHB2.DN3	7.8	9.6	8.3	Đạt	
45	200045	32301205071	Võ Thị Thúy	Diễm	15/07/1997	20LTDMN.DN1	6.6	8.0	7.0	Đạt	
46	200046	32301205324	Nguyễn Thị	Diễm	26/01/1998	20LTDMN.DN2	6.4	8.0	6.8	Đạt	
47	200047	32301184794	Nguyễn Thị	Diệp	22/10/2000	18DMN.DN1	6.0	8.0	6.5	Đạt	
48	200048	32201205183	Trần Thị Hồng	Diệp	16/11/1997	20DTHB2.DN3	7.0	9.6	7.7	Đạt	
49	200049	32201194542	Nguyễn Thị	Diệu	17/04/1987	19LCDTH.SP	7.9	9.6	8.3	Đạt	
50	200050	31604205011	Nguyễn Thị	Diệu	14/01/1995	20LCDAN.SP	8.5	8.8	8.6	Đạt	
51	200051	31604205012	Nguyễn Thị Hạnh	Đoan	11/06/1976	20LCDAN.SP	7.3	8.8	7.7	Đạt	
52	200052	31604205014	Trương Văn	Đông	04/10/1972	20LCDAN.SP	7.1	8.0	7.3	Đạt	
53	200053	31604205013	Bùi Thế	Đông	20/09/1985	20LCDAN.SP	8.0	8.0	8.0	Đạt	
54	200054	32301184795	Trần Thị Kiều	Dung	20/01/1999	18DMN.DN1	7.9	8.8	8.1	Đạt	
55	200055	32301184796	Lê Thị	Dung	22/01/1998	18DMN.DN1	7.0	8.8	7.5	Đạt	
56	200056	32301184691	Phạm Thị	Dung	02/01/2000	18DMN.SP	8.2	9.2	8.5	Đạt	
57	200057	32301194390	Trần Lý Mỹ	Dung	01/05/2001	19DMN.SP	8.2	8.0	8.2	Đạt	
58	200058	32301194235	Lê Thị Mỹ	Dung	22/09/1997	19LTDMN.SP1	7.6	9.2	8.0	Đạt	
59	200059	32201194564	Đinh Thị Thùy	Dung	02/02/1999	19LTDTH.SP	8.3	9.6	8.6	Đạt	
60	200060	32201205184	Đỗ Thị Thùy	Dung	12/10/1995	20DTHB2.DN3	7.2	9.6	7.8	Đạt	
61	200061	32201205186	Trần Thị	Dung	01/01/1994	20DTHB2.DN3	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
62	200062	32301205073	Bùi Thị	Dung	01/01/1983	20LTDMN.DN1	6.2	8.0	6.7	Đạt	
63	200063	32301205370	Nguyễn Thị	Dung	26/02/1998	20LTDMN.SP	5.4	8.0	6.1	Đạt	
64	200064	32301215004	Lê Thị Phương	Dung	30/03/1998	21LCDMN.DN1	6.1	8.8	6.8	Đạt	
65	200065	32301215005	Lê Thị Thùy	Dung	22/06/1995	21LCDMN.DN1	5.4	8.0	6.1	Đạt	
66	200066	31604205015	Lê Thị Thùy	Dương	15/10/1973	20LCDAN.SP	6.2	8.0	6.7	Đạt	
67	200067	32301184799	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	29/02/2000	18DMN.DN1	6.2	8.0	6.7	Đạt	
68	200068	32301184695	Đàm Kỳ	Duyên	30/05/2000	18DMN.SP	5.7	8.0	6.3	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
							Nghe - Đọc - Viết	Nói			
69	200069	32301194392	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	29/11/2001	19DMN.SP	5.9	8.0	6.4	Đạt	
70	200070	32301194236	Nguyễn Thị Minh	Duyên	15/04/1998	19LTDMN.SP1	6.7	8.0	7.0	Đạt	
71	200071	32201194565	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	04/05/1998	19LTDTH.SP	6.9	9.2	7.5	Đạt	
72	200072	32201205135	Lê Thị Mỹ	Duyên	01/07/1997	20DTHB2.SP	7.9	9.2	8.2	Đạt	
73	200073	32301205371	Lê Thị Mỹ	Duyên	13/07/1996	20LTDMN.SP	5.4	8.0	6.1	Đạt	
74	200074	32301194237	Hoàng Thị Kim Anh	Em	20/05/1985	19LTDMN.SP1	5.5	8.0	6.1	Đạt	
75	200075	32301205325	Phạm Thị Ngọc	Gấm	13/11/1995	20LTDMN.DN2	7.5	8.0	7.6	Đạt	
76	200076	32201205136	Hồ Thị Minh	Giang	25/01/1996	20DTHB2.SP	6.2	9.6	7.1	Đạt	
77	200077	31604205016	Nguyễn Thị	Giang	21/11/1979	20LCDAN.SP	7.3	9.6	7.9	Đạt	
78	200078	32301205372	Hồ Thị Kim	Giàu	05/04/1993	20LTDMN.SP	6.2	8.4	6.8	Đạt	
79	200079	32301184800	Nguyễn Thị	Hà	08/05/1998	18DMN.DN1	6.7	8.0	7.0	Đạt	
80	200080	32301184696	Lê Hồng	Hà	10/09/1999	18DMN.SP	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
81	200081	32301184697	Nguyễn Đỗ Thu	Hà	27/11/2000	18DMN.SP	6.3	8.8	6.9	Đạt	
82	200082	32301194394	Vô Thị Thu	Hà	17/05/2001	19DMN.SP	6.7	8.4	7.1	Đạt	
83	200083	32301194238	Hồ Thị Thu	Hà	07/07/1998	19LTDMN.SP1	7.6	9.2	8.0	Đạt	
84	200084	32301194239	Hoàng Thị Thu	Hà	03/07/1998	19LTDMN.SP1	6.2	8.0	6.7	Đạt	
85	200085	32301194240	Nguyễn Thị Thu	Hà	19/04/1992	19LTDMN.SP1	5.9	8.0	6.4	Đạt	
86	200086	32201205137	Bùi Thị Hồng	Hà	27/02/1993	20DTHB2.SP	7.8	8.0	7.9	Đạt	
87	200087	32301205076	Lê Thị Thanh	Hà	15/02/1997	20LTDMN.DN1	6.2	8.0	6.7	Đạt	
88	200088	32301205327	Phạm Thị Thu	Hà	06/06/1991	20LTDMN.DN2	6.9	8.4	7.3	Đạt	
89	200089	32301205374	Lê Thị	Hà	04/09/1998	20LTDMN.SP	4.6	8.8	5.7	Đạt	
90	200090	32301205375	Phạm Thị Bích	Hà	25/06/1994	20LTDMN.SP	6.6	9.2	7.3	Đạt	
91	200091	32301205373	Phan Lê	Hà	29/05/1997	20LTDMN.SP	5.0	7.2	5.6	Đạt	
92	200092	32301184698	Ngô Thị Bích	Hạ	25/01/1999	18DMN.SP	4.8	7.2	5.4	Đạt	
93	200093	32201194566	Nguyễn Thị	Hạ	12/12/1998	19LTDTH.SP	4.3	8.0	5.2	Đạt	
94	200094	31604205018	Nguyễn Xuân Phương	Hạ	07/04/1980	20LCDAN.SP	7.6	8.8	7.9	Đạt	
95	200095	32201205189	Nguyễn Thủy	Hải	09/03/1996	20DTHB2.DN3	5.2	7.2	5.7	Đạt	
96	200096	32301205077	Nguyễn Văn	Hải	08/03/1993	20LTDMN.DN1	3.8	7.6	4.8	Đạt	
97	200097	32301205376	Trần Thị	Hân	19/12/1996	20LTDMN.SP	5.2	7.6	5.8	Đạt	
98	200098	32301184802	Lê Thị	Hằng	07/05/1999	18DMN.DN1	5.1	7.2	5.6	Đạt	
99	200099	32301184701	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	16/09/2000	18DMN.SP	6.0	7.6	6.4	Đạt	
100	200100	32301184702	Nguyễn Đỗ Thu	Hằng	27/11/2000	18DMN.SP	6.0	8.4	6.6	Đạt	
101	200101	32301194455	Đặng Thị Thanh	Hằng	15/05/1998	19DMN.DN3	3.4	7.2	4.4	Đạt	
102	200102	32301194395	Nguyễn Thị Thu	Hằng	29/09/2001	19DMN.SP	7.5	8.0	7.6	Đạt	
103	200103	32301194243	Trần Thị	Hằng	10/02/1996	19LTDMN.SP1	7.0	8.0	7.3	Đạt	
104	200104	32301194242	Bùi Thị Lệ	Hằng	11/12/1981	19LTDMN.SP1	6.3	8.8	6.9	Đạt	
105	200105	32301194241	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	06/06/1998	19LTDMN.SP1	5.6	8.0	6.2	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
						Nghe - Đọc - Viết	Nói			
106	200106	32301205003	Nguyễn Thị Hằng	30/04/1998	20DMN.DN3	5.8	7.2	6.2	Đạt	
107	200107	31604205019	Nguyễn Thúy Hằng	08/06/1979	20LCDAN.SP	5.2	8.0	5.9	Đạt	
108	200108	32301205078	Nguyễn Thị Hằng	05/03/1984	20LTDMN.DN1	4.3	8.0	5.2	Đạt	
109	200109	32301205377	Huỳnh Thị Ngọc Hằng	14/06/1984	20LTDMN.SP	6.5	9.2	7.2	Đạt	
110	200110	32301215006	Nguyễn Thị Thúy Hằng	12/10/1984	21LCDMN.DN1	5.8	8.8	6.6	Đạt	
111	200111	32301215007	Nguyễn Thị Hằng	20/02/1985	21LCDMN.DN1	5.3	8.8	6.2	Đạt	
112	200112	32301184703	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	18/10/2000	18DMN.SP	6.0	7.2	6.3	Đạt	
113	200113	32301194456	Đặng Thị Mỹ Hạnh	10/04/1996	19DMN.DN3	5.5	7.2	5.9	Đạt	
114	200114	32301205079	Lê Thị Hạnh	03/06/1984	20LTDMN.DN1	5.4	8.8	6.3	Đạt	
115	200115	32301184704	Võ Thị Hào	15/10/1998	18DMN.SP	5.8	8.4	6.5	Đạt	
116	200116	32301184706	Nguyễn Thị Hiền	20/02/2000	18DMN.SP	4.9	8.4	5.8	Đạt	
117	200117	32301184710	Nguyễn Thị Hiền	25/07/2000	18DMN.SP	3.5	7.2	4.4	Đạt	
118	200118	32301194458	Trần Thị Minh Hiền	15/12/1996	19DMN.DN3	3.9	8.4	5.0	Đạt	
119	200119	32201194499	Nguyễn Thị Hiền	10/07/1988	19DTH.DN3	4.2	8.0	5.2	Đạt	
120	200120	32201194544	Lê Thanh Thanh Hiền	17/06/1998	19LCDTH.SP	5.1	8.8	6.0	Đạt	
121	200121	32301194245	Phan Thị Hiền	15/01/1998	19LTDMN.SP1	9.2	7.2	8.7	Đạt	
122	200122	32201205192	Nguyễn Thị Minh Hiền	19/04/1991	20DTHB2.DN3	9.3	7.2	8.8	Đạt	
123	200123	32201205193	Trần Thị Hiền	12/09/1991	20DTHB2.DN3	9.2	7.6	8.8	Đạt	
124	200124	32201205138	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/02/1995	20DTHB2.SP	8.9	8.4	8.8	Đạt	
125	200125	31604205021	Nguyễn Thị Thu Hiền	21/04/1994	20LCDAN.SP	8.8	7.2	8.4	Đạt	
126	200126	31604205020	Dương Thị Hiền	15/02/1979	20LCDAN.SP	7.6	7.6	7.6	Đạt	
127	200127	32301205378	Đặng Thị Minh Hiền	10/02/1998	20LTDMN.SP	9.1	8.0	8.8	Đạt	
128	200128	32301215008	Trần Thị Thu Hiền	02/09/1984	21LCDMN.DN1	9.2	7.2	8.7	Đạt	
129	200129	32301215009	Doãn Thị Hiền	10/10/1988	21LCDMN.DN1	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
130	200130	32301194459	Trần Thị Minh Hiếu	28/01/2001	19DMN.DN3	8.0	7.2	7.8	Đạt	
131	200131	32301205005	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	24/10/1998	20DMN.DN3	9.1	8.0	8.8	Đạt	
132	200132	31604205022	Nguyễn Thị Đăng Hiếu	20/09/1992	20LCDAN.SP	8.9	7.6	8.6	Đạt	
133	200133	32301205081	Lê Thị Thu Hiếu	14/02/1996	20LTDMN.DN1	7.6	7.2	7.5	Đạt	
134	200134	32301184712	Phạm Thị Hoa	11/01/2000	18DMN.SP	9.0	7.2	8.6	Đạt	
135	200135	32301194460	Đặng Thị Mỹ Hoa	07/01/2000	19DMN.DN3	8.1	7.2	7.9	Đạt	
136	200136	32201194545	Nguyễn Thị Hoa	24/04/1978	19LCDTH.SP	7.7	7.2	7.6	Đạt	
137	200137	32301205006	Nguyễn Thị Kim Hoa	01/06/1991	20DMN.DN3	9.2	8.0	8.9	Đạt	
138	200138	32301205330	Nguyễn Thị Hoa	21/07/1993	20LTDMN.DN2	8.8	7.2	8.4	Đạt	
139	200139	32301205331	Nguyễn Thị Hoa	05/06/1997	20LTDMN.DN2	9.0	7.2	8.6	Đạt	
140	200140	32301205332	Dương Thị Quỳnh Hoa	13/05/1983	20LTDMN.DN2	8.9	7.2	8.5	Đạt	
141	200141	32301184713	Thái Thị Hiếu Hòa	29/10/2000	18DMN.SP	8.8	7.2	8.4	Đạt	
142	200142	32301194397	Phan Thị Thu Hòa	24/02/2001	19DMN.SP	9.1	7.2	8.6	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
							Nghe - Đọc - Viết	Nói			
143	200143	32201205194	Lê Thị Minh	Hòa	02/08/1995	20DTHB2.DN3	9.1	7.2	8.6	Đạt	
144	200144	32201205140	Lê Thị Ngọc	Hòa	17/02/1997	20DTHB2.SP	8.3	7.2	8.0	Đạt	
145	200145	31604205024	Lê Thị	Hòa	15/08/1988	20LCDAN.SP	8.6	7.2	8.3	Đạt	
146	200146	32301205084	Đỗ Thị Thu	Hòa	17/11/1996	20LTDMN.DN1	9.1	7.6	8.7	Đạt	
147	200147	32301194398	Mai Thị Thu	Hoài	14/12/2001	19DMN.SP	8.2	8.0	8.2	Đạt	
148	200148	31604205025	Đỗ Thị Thương	Hoài	15/02/1979	20LCDAN.SP	9.1	8.0	8.8	Đạt	
149	200149	32301205333	Nguyễn Thị Thanh	Hoài	05/06/1995	20LTDMN.DN2	8.3	7.2	8.0	Đạt	
150	200150	32301205085	Vô Thị	Hoàn	04/06/1995	20LTDMN.DN1	8.1	7.2	7.9	Đạt	
151	200151	31604205026	Nguyễn Thanh	Hoàng	22/09/1983	20LCDAN.SP	6.0	9.2	6.8	Đạt	
152	200152	32201205195	Phan Hoàng	Hội	02/12/1996	20DTHB2.DN3	7.1	8.4	7.4	Đạt	
153	200153	32201205196	Kiều Thị Minh	Hội	30/04/1994	20DTHB2.DN3	7.3	8.0	7.5	Đạt	
154	200154	32301194461	Đặng Thị Ánh	Hồng	21/07/1998	19DMN.DN3	7.8	8.4	8.0	Đạt	
155	200155	32301194246	Lê Thị Thúy	Hồng	30/12/1997	19LTDMN.SP1	6.3	7.6	6.6	Đạt	
156	200156	31604205028	Đỗ Thị	Hồng	10/10/1990	20LCDAN.SP	7.6	8.0	7.7	Đạt	
157	200157	32301205087	Cao Thị Nhân	Hồng	03/01/1997	20LTDMN.DN1	8.1	7.6	8.0	Đạt	
158	200158	32301205334	Lê Thị	Hợp	27/08/2000	20LTDMN.DN2	6.2	8.0	6.7	Đạt	
159	200159	32201205197	Nguyễn Thị	Huệ	01/01/1979	20DTHB2.DN3	7.8	7.6	7.8	Đạt	
160	200160	32301205088	Nguyễn Thị	Huệ	20/04/1995	20LTDMN.DN1	8.1	9.2	8.4	Đạt	
161	200161	32301205010	Nguyễn Thị	Hương	15/12/1986	20DMN.DN3	7.7	9.2	8.1	Đạt	
162	200162	32301205012	Trần Thị	Hương	14/11/1999	20DMN.DN3	8.4	8.8	8.5	Đạt	
163	200163	32201205199	Lê Thị	Hương	20/03/1996	20DTHB2.DN3	7.7	9.2	8.1	Đạt	
164	200164	32301205090	Trần Thị	Hương	16/01/1997	20LTDMN.DN1	6.4	8.4	6.9	Đạt	
165	200165	31604205029	Trần Tuấn	Huy	03/08/1983	20LCDAN.SP	7.8	7.6	7.8	Đạt	
166	200166	32301184807	Đặng Thị	Huyền	22/07/1999	18DMN.DN1	7.6	7.6	7.6	Đạt	
167	200167	32301184715	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	30/04/2000	18DMN.SP	7.7	8.0	7.8	Đạt	
168	200168	32301194400	Trần Thị	Huyền	14/08/2000	19DMN.SP	7.6	8.0	7.7	Đạt	
169	200169	32301194247	Vô Thị Thanh	Huyền	20/10/1998	19LTDMN.SP1	6.5	8.0	6.9	Đạt	
170	200170	32201205002	Phạm Thị Mỹ	Huyền	01/03/1999	20DTH.DN3	7.9	8.8	8.1	Đạt	
171	200171	32301205091	Ngô Khánh	Huyền	06/11/1997	20LTDMN.DN1	8.4	7.6	8.2	Đạt	
172	200172	32301215012	Diệp Thị Hạ	Khuyên	01/01/1985	21LCDMN.DN1	6.4	8.8	7.0	Đạt	
173	200173	32301194250	Trần Thị	Kiều	20/05/1993	19LTDMN.SP1	7.0	8.4	7.4	Đạt	
174	200174	32301184808	Nguyễn Thị Khánh	Lai	11/01/2000	18DMN.DN1	7.5	7.6	7.5	Đạt	
175	200175	32301184809	Nguyễn Thị Thu	Lài	18/01/2000	18DMN.DN1	7.3	8.4	7.6	Đạt	
176	200176	32301184718	Trần Thị	Lan	10/11/2000	18DMN.SP	7.1	7.6	7.2	Đạt	
177	200177	32301194401	Trần Thị Hà	Lan	05/05/2001	19DMN.SP	7.1	8.0	7.3	Đạt	
178	200178	32301205014	Phùng Thị	Lan	05/08/1997	20DMN.DN3	4.7	8.4	5.6	Đạt	
179	200179	32301205092	Nguyễn Thị Thanh	Lan	08/07/1995	20LTDMN.DN1	5.9	7.6	6.3	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
						Nghe - Đọc - Viết	Nói			
180	200180	32301205335	Nguyễn Thị Lan	26/08/1989	20LTDMN.DN2	8.0	8.4	8.1	Đạt	
181	200181	32301205380	Lê Thị Như	12/03/1994	20LTDMN.SP	5.0	7.2	5.6	Đạt	
182	200182	32301205381	Võ Thị Lang	11/10/1997	20LTDMN.SP	4.6	7.2	5.3	Đạt	
183	200183	32301194464	Đặng Thị Lệ	01/09/1999	19DMN.DN3	6.1	7.2	6.4	Đạt	
184	200184	32301205015	Ngô Thị Lệ	28/07/1992	20DMN.DN3	6.9	8.0	7.2	Đạt	
185	200185	32301194251	Nguyễn Thị Kim	09/08/1985	19LTDMN.SP1	5.4	8.0	6.1	Đạt	
186	200186	32301194252	Trần Thị Kim	28/06/1989	19LTDMN.SP1	4.9	7.2	5.5	Đạt	
187	200187	32201205200	Trương Thị Thanh	10/02/1996	20DTHB2.DN3	6.4	7.2	6.6	Đạt	
188	200188	32301205336	Võ Thị Liên	10/07/1998	20LTDMN.DN2	5.1	7.6	5.7	Đạt	
189	200189	32301205337	Nguyễn Thị Hồng	01/08/1998	20LTDMN.DN2	4.2	7.2	5.0	Đạt	
190	200190	32301184719	Phạm Thị Thúy	04/04/2000	18DMN.SP	5.3	7.2	5.8	Đạt	
191	200191	32301194465	Nguyễn Thị Liễu	20/10/2001	19DMN.DN3	4.6	7.2	5.3	Đạt	
192	200192	32201205201	Đông Thị Thùy	23/10/1993	20DTHB2.DN3	5.5	7.6	6.0	Đạt	
193	200193	32381176219	Nguyễn Thị Linh	9/12/1987	17CMN.SP2	5.7	7.2	6.1	Đạt	
194	200194	32301194466	Nguyễn Thị Tú	21/03/1998	19DMN.DN3	6.5	7.2	6.7	Đạt	
195	200195	32301194403	Lê Thị Thùy	15/09/2001	19DMN.SP	6.1	7.2	6.4	Đạt	
196	200196	32301194402	Trương Đỗ Khánh	09/11/2000	19DMN.SP	5.9	7.2	6.2	Đạt	
197	200197	32201194508	Trần Thị Mỹ	09/02/1994	19DTH.DN3	6.9	7.6	7.1	Đạt	
198	200198	32201194546	Nguyễn Thị Hòa	14/07/1993	19LCDTH.SP	7.1	7.2	7.1	Đạt	
199	200199	32301194255	Nguyễn Thị Ánh	15/05/1998	19LTDMN.SP1	6.4	7.2	6.6	Đạt	
200	200200	32301194253	Đào Thị Hồng	30/10/1998	19LTDMN.SP1	6.2	7.2	6.5	Đạt	
201	200201	32301194256	Trần Ngọc Mỹ	04/12/1998	19LTDMN.SP1	6.9	7.2	7.0	Đạt	
202	200202	32301205049	Lê Thị Linh	06/07/2021	20ĐMN.ĐN1	6.7	8.0	7.0	Đạt	
203	200203	32201205003	Phạm Thị Ngọc	22/10/1994	20DTH.DN3	7.5	7.2	7.4	Đạt	
204	200204	32201205145	Nguyễn Thúy	01/04/1996	20DTHB2.SP	6.3	7.6	6.6	Đạt	
205	200205	32201205146	Trần Thị Mỹ	16/09/1998	20DTHB2.SP	6.5	7.2	6.7	Đạt	
206	200206	32301205094	Đào Nhật	14/02/1996	20LTDMN.DN1	7.2	7.6	7.3	Đạt	
207	200207	32301215013	Nguyễn Thị Mỹ	15/11/1995	21LCDMN.DN1	7.2	7.2	7.2	Đạt	
208	200208	32301184723	Nguyễn Thị Loan	12/08/1988	18DMN.SP	6.8	8.4	7.2	Đạt	
209	200209	31604205033	Phan Ánh	22/04/1979	20LCDAN.SP	5.9	7.2	6.2	Đạt	
210	200210	31604205032	Trần Thị Loan	03/06/1984	20LCDAN.SP	6.4	7.2	6.6	Đạt	
211	200211	32301215014	Trần Thị Kim	31/03/1994	21LCDMN.DN1	5.6	7.2	6.0	Đạt	
212	200212	32201205204	Lê Thị Lộc	16/12/1997	20DTHB2.DN3	6.1	7.2	6.4	Đạt	
213	200213	32201194567	Nguyễn Thị Thu	05/10/1996	19LTDTH.SP	6.0	8.0	6.5	Đạt	
214	200214	32301184725	Phan Thị Bích	15/09/2000	18DMN.SP	6.1	8.0	6.6	Đạt	
215	200215	31604205034	Trần Thị Lợi	22/09/1996	20LCDAN.SP	5.7	7.2	6.1	Đạt	
216	200216	31604205036	Lê Văn Long	03/07/1994	20LCDAN.SP	6.1	7.2	6.4	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
						Nghe - Đọc - Viết	Nói			
217	200217	32201205147	Nguyễn Thị Kim	Luyên	03/01/1995	20DTHB2.SP	6.2	7.2	6.5	Đạt
218	200218	32201194428	Đỗ Thị Ngọc	Ly	21/12/1996	19DTH.SP	6.8	8.0	7.1	Đạt
219	200219	32301205096	Nguyễn Phương Thảo	Ly	06/09/1994	20LTDMN.DN1	7.1	7.2	7.1	Đạt
220	200220	32301205339	Ngô Thị	Ly	30/05/1989	20LTDMN.DN2	6.1	7.2	6.4	Đạt
221	200221	32301205017	Phạm Thị	Lý	20/12/1995	20DMN.DN3	5.5	7.2	5.9	Đạt
222	200222	31604205037	Vũ Thị Minh	Lý	16/08/1983	20LCDAN.SP	6.5	7.2	6.7	Đạt
223	200223	31604205038	Hoàng Thị	Lý	24/05/1996	20LCDAN.SP	5.6	7.2	6.0	Đạt
224	200224	32301184727	Nguyễn Thị Thanh	Mai	22/12/1998	18DMN.SP	5.9	7.2	6.2	Đạt
225	200225	32301194404	Lê Thị Ngọc	Mai	12/05/2001	19DMN.SP	6.1	7.2	6.4	Đạt
226	200226	32301205018	Đào Thị	Mai	26/04/2000	20DMN.DN3	6.8	7.2	6.9	Đạt
227	200227	32301205019	Lê Thị Thanh	Mai	05/01/1997	20DMN.DN3	6.4	7.2	6.6	Đạt
228	200228	32301184810	Huỳnh Thị Giáng	Mi	01/01/1994	18DMN.DN1	5.2	7.2	5.7	Đạt
229	200229	32201194429	Lê Thị Hiếu	Minh	01/11/1990	19DTH.SP	6.5	7.2	6.7	Đạt
230	200230	32201194547	Nguyễn Thị Hồng	Minh	10/12/1977	19LCDTH.SP	7.1	7.2	7.1	Đạt
231	200231	31604205039	Nguyễn Thị	Minh	25/11/1977	20LCDAN.SP	5.3	8.0	6.0	Đạt
232	200232	31604205040	Huỳnh Thị Hải	Minh	25/04/1979	20LCDAN.SP	5.5	7.2	5.9	Đạt
233	200233	32301205387	Thái Thị Bình	Minh	20/11/1996	20LTDMN.SP	5.6	7.2	6.0	Đạt
234	200234	32301205388	Lê Thị	Mùi	05/10/1991	20LTDMN.SP	4.9	7.2	5.5	Đạt
235	200235	32301194258	Bùi Thúy Diễm	My	23/10/1998	19LTDMN.SP1	5.4	7.2	5.9	Đạt
236	200236	32301205054	Phạm Thị Hoàng	My	03/10/1993	20DMN.DN3	5.2	7.2	5.7	Đạt
237	200237	32301205098	Trần Thị Tú	My	06/08/1997	20LTDMN.DN1	6.2	7.2	6.5	Đạt
238	200238	32301205340	Phan Hoàng Thúy	My	07/05/1996	20LTDMN.DN2	5.8	7.2	6.2	Đạt
239	200239	32201205205	Trần Thị Thoại	Mỹ	06/03/1995	20DTHB2.DN3	6.7	8.0	7.0	Đạt
240	200240	32301205389	Võ Thị	Mỹ	29/10/1997	20LTDMN.SP	5.9	7.2	6.2	Đạt
241	200241	32301205053	Từ Đăng Chi	Mỹ	06/06/2001	20ĐMN.ĐN1	6.4	8.8	7.0	Đạt
242	200242	32201205206	Nguyễn Thị	Na	01/04/1996	20DTHB2.DN3	4.9	8.0	5.7	Đạt
243	200243	32201205207	Nguyễn Thị Phạm	Na	07/07/1987	20DTHB2.DN3	4.5	7.6	5.3	Đạt
244	200244	32301215017	Lê Thị Thanh	Na	04/03/1991	21LCDMN.DN1	4.6	7.2	5.3	Đạt
245	200245	32301184811	Cao Thị	Nen	10/09/1990	18DMN.DN1	5.4	7.2	5.9	Đạt
246	200246	32201205004	Nguyễn Thị	Nên	23/06/1997	20DTH.DN3	6.5	8.4	7.0	Đạt
247	200247	32301185063	Đặng Thị	Nga	01/02/1996	18DMN.DN1	7.0	9.2	7.6	Đạt
248	200248	32301184729	Trần Thị Thanh	Nga	18/01/2000	18DMN.SP	5.6	8.0	6.2	Đạt
249	200249	32301184730	Lê Thị Hằng	Nga	20/09/1996	18DMN.SP	6.5	8.8	7.1	Đạt
250	200250	32201205209	Hà Thị Hằng	Nga	19/12/1994	20DTHB2.DN3	6.2	8.4	6.8	Đạt
251	200251	32201205210	Nguyễn Thị	Nga	23/01/1991	20DTHB2.DN3	7.2	8.4	7.5	Đạt
252	200252	31604205041	Lê Thị Bích	Nga	20/10/1984	20LCDAN.SP	4.9	7.6	5.6	Đạt
253	200253	32301205390	Đỗ Quỳnh	Nga	12/05/1995	20LTDMN.SP	4.5	7.2	5.2	Đạt

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
							Nghe - Đọc - Viết	Nói			
254	200254	32301205391	Đoàn Thị Oánh	Nga	29/01/1984	20LTDMN.SP	4.5	7.2	5.2	Đạt	
255	200255	32301205392	Nguyễn Thúy	Nga	31/07/1994	20LTDMN.SP	4.5	7.2	5.2	Đạt	
256	200256	32301215018	Cao Thị Hoàng	Nga	25/11/1996	21LCDMN.DN1	7.5	10.0	8.1	Đạt	
257	200257	32301184731	Trịnh Thị Kim	Ngân	07/01/1999	18DMN.SP	4.9	7.6	5.6	Đạt	
258	200258	32301184732	Huỳnh Hồ Bích	Ngân	13/05/2000	18DMN.SP	4.9	7.2	5.5	Đạt	
259	200259	32201194568	Trần Thị Bích	Ngân	04/09/1999	19LTDTH.SP	5.8	8.4	6.5	Đạt	
260	200260	32201205149	Lê thị Ngọc	Ngân	17/04/1990	20DTHB2.SP	6.1	8.0	6.6	Đạt	
261	200261	32301205342	Đặng Thị	Ngân	09/10/1998	20LTDMN.DN2	3.9	7.6	4.8	Đạt	
262	200262	32301184734	Lê Thị Bích	Ngoan	17/05/2000	18DMN.SP	4.9	7.2	5.5	Đạt	
263	200263	32301194406	Trần Thị Thanh	Ngọc	19/11/2001	19DMN.SP	6.6	7.6	6.9	Đạt	
264	200264	32201194432	Đinh Thị	Ngọc	24/07/1988	19DTH.SP	7.0	7.6	7.2	Đạt	
265	200265	32301194261	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	08/05/1991	19LTDMN.SP1	6.1	7.2	6.4	Đạt	
266	200266	32201205150	Lê Thị Mỹ	Ngọc	06/07/1993	20DTHB2.SP	5.9	7.6	6.3	Đạt	
267	200267	32301205102	Trần Thị Bích	Ngọc	21/07/1978	20LTDMN.DN1	4.0	7.2	4.8	Đạt	
268	200268	32301205103	Trần Thị Yên	Ngọc	11/04/1996	20LTDMN.DN1	7.4	7.6	7.5	Đạt	
269	200269	32301205393	Nguyễn Thị Như	Ngọc	05/01/1998	20LTDMN.SP	7.0	7.6	7.2	Đạt	
270	200270	32301184813	Lê Thị Thảo	Nguyên	15/08/1996	18DMN.DN1	7.7	8.4	7.9	Đạt	
271	200271	32301184735	Bùi Lý Bảo	Nguyên	05/11/2000	18DMN.SP	6.8	7.2	6.9	Đạt	
272	200272	32301184736	Phạm Đoàn Thủy	Nguyên	03/05/2000	18DMN.SP	7.7	7.6	7.7	Đạt	
273	200273	32301194263	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	08/02/1998	19LTDMN.SP1	4.8	7.2	5.4	Đạt	
274	200274	32301205104	Huỳnh Thảo	Nguyên	02/01/1998	20LTDMN.DN1	5.5	7.6	6.0	Đạt	
275	200275	32301205343	Trần Thanh Thảo	Nguyên	04/02/1998	20LTDMN.DN2	6.6	7.6	6.9	Đạt	
276	200276	32301205344	Dương Thị Thảo	Nguyên	01/04/1984	20LTDMN.DN2	6.5	7.2	6.7	Đạt	
277	200277	32201194514	Nguyễn Trần Vân	Nguyệt	02/08/1997	19DTH.DN3	6.7	7.2	6.8	Đạt	
278	200278	32201205005	Mai Thị Ánh	Nguyệt	11/01/2000	20DTH.DN3	6.9	7.6	7.1	Đạt	
279	200279	32201194515	Hồ Thị Thanh	Nhàn	02/08/1984	19DTH.DN3	5.6	7.2	6.0	Đạt	
280	200280	32301194267	Nguyễn Thị	Nhàn	06/01/1995	19LTDMN.SP1	7.4	7.6	7.5	Đạt	
281	200281	32301194266	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	09/09/1998	19LTDMN.SP1	6.5	7.2	6.7	Đạt	
282	200282	32301205394	Phan Thị Thanh	Nhàn	28/06/1992	20LTDMN.SP	6.8	7.2	6.9	Đạt	
283	200283	32301184814	Nguyễn Thị	Nhân	03/01/2000	18DMN.DN1	6.2	7.6	6.6	Đạt	
284	200284	32201205153	Lê Thị Kim	Nhạn	13/07/1993	20DTHB2.SP	6.9	8.0	7.2	Đạt	
285	200285	32301184815	Đàm Tuyết	Nhi	19/02/2000	18DMN.DN1	7.5	7.2	7.4	Đạt	
286	200286	32301184741	Nguyễn Thị Yên	Nhi	15/02/2000	18DMN.SP	7.1	7.2	7.1	Đạt	
287	200287	32301184742	Nguyễn Thị Mỹ	Nhi	28/10/2000	18DMN.SP	7.5	7.2	7.4	Đạt	
288	200288	32301194468	Đặng Thị	Nhi	23/05/1998	19DMN.DN3	7.2	7.2	7.2	Đạt	
289	200289	32301205023	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	13/10/1999	20DMN.DN3	5.6	7.2	6.0	Đạt	
290	200290	32301205024	Trần Thị Yên	Nhi	10/03/1994	20DMN.DN3	6.8	7.6	7.0	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
							Nghe - Đọc - Viết	Nói			
291	200291	32301205025	Lê Thị Ái	Nhi	14/06/1997	20DMN.DN3	7.1	7.6	7.2	Đạt	
292	200292	32201205211	Cao Nguyên Ý	Nhi	25/05/1996	20DTHB2.DN3	7.0	8.0	7.3	Đạt	
293	200293	32301205106	Hoàng Thị Thục	Nhi	22/07/1999	20LTDMN.DN1	7.3	8.4	7.6	Đạt	
294	200294	32301205345	Hồ Thị Yên	Nhi	27/02/1997	20LTDMN.DN2	7.2	7.6	7.3	Đạt	
295	200295	32301205346	Phan Trần Yên	Nhi	13/11/1997	20LTDMN.DN2	6.7	7.6	6.9	Đạt	
296	200296	32301205395	Văn Thị Tuyết	Nhi	02/10/1995	20LTDMN.SP	7.1	7.2	7.1	Đạt	
297	200297	32301205108	Nguyễn Thị	Nhiều	27/08/1996	20LTDMN.DN1	8.1	8.0	8.1	Đạt	
298	200298	32301184743	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	29/08/2000	18DMN.SP	7.6	7.2	7.5	Đạt	
299	200299	32301205398	Nguyễn Thị	Nhuận	08/02/1987	20LTDMN.SP	7.0	7.6	7.2	Đạt	
300	200300	32301194469	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/01/1994	19DMN.DN3	7.1	7.6	7.2	Đạt	
301	200641	32301194238	Hồ Thị Thu	Hà	07/07/1998	19LTDMN.SP1	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
302	200301	32301205347	Trần Thị	Nhung	29/09/1994	20LTDMN.DN2	8.0	7.2	7.8	Đạt	
303	200302	32201194516	Phan Thị Thanh	Ni	10/02/1995	19DTH.DN3	8.8	10.0	9.1	Đạt	
304	200303	32301205112	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	17/12/1998	20LTDMN.DN1	8.3	10.0	8.7	Đạt	
305	200304	32301194470	Đặng Thị Vân	Oanh	20/12/1995	19DMN.DN3	9.2	7.6	8.8	Đạt	
306	200305	32301194269	Lê Thị Kiều	Oanh	15/07/1997	19LTDMN.SP1	7.0	8.0	7.3	Đạt	
307	200306	32201205155	Trương Thị Tuyết	Oanh	01/05/1994	20DTHB2.SP	9.4	8.8	9.3	Đạt	
308	200307	31604205044	Dương Thị Kiều	Oanh	10/11/1982	20LCDAN.SP	6.8	7.2	6.9	Đạt	
309	200308	32301205026	Lê Thị	Phước	29/08/2001	20DMN.DN3	8.4	7.2	8.1	Đạt	
310	200309	32301184817	Đinh Ngọc Hoài	Phương	21/01/2000	18DMN.DN1	7.3	8.8	7.7	Đạt	
311	200310	32301194471	Nguyễn Thị Thu	Phương	04/03/2001	19DMN.DN3	7.5	7.2	7.4	Đạt	
312	200311	32301194410	Nguyễn Thị	Phương	07/01/2001	19DMN.SP	8.4	7.2	8.1	Đạt	
313	200312	32301194270	Lê Uyên	Phương	30/11/1981	19LTDMN.SP1	7.5	7.6	7.5	Đạt	
314	200313	32201205214	Nguyễn Thị Minh	Phương	06/01/1996	20DTHB2.DN3	8.5	7.6	8.3	Đạt	
315	200314	32201205156	Đỗ Thùy	Phương	24/02/1991	20DTHB2.SP	8.7	10.0	9.0	Đạt	
316	200315	31604205045	Trần Thanh	Phương	15/12/1994	20LCDAN.SP	8.1	9.6	8.5	Đạt	
317	200316	31604205047	Nguyễn Thị Uyên	Phương	20/08/1992	20LCDAN.SP	7.4	10.0	8.1	Đạt	
318	200317	31604205048	Huỳnh Anh	Phương	21/03/1981	20LCDAN.SP	7.5	8.0	7.6	Đạt	
319	200318	32301205114	Đặng Thị Thu	Phương	12/01/1998	20LTDMN.DN1	6.7	8.0	7.0	Đạt	
320	200319	32301205115	Nguyễn Thị Quỳnh	Phương	27/01/1995	20LTDMN.DN1	5.6	8.4	6.3	Đạt	
321	200320	32301215019	Lưu Thị Thanh	Phương	28/12/1983	21LCDMN.DN1	7.2	8.0	7.4	Đạt	
322	200321	32301215020	Lê Thị Bích	Phương	10/03/1994	21LCDMN.DN1	7.9	8.4	8.0	Đạt	
323	200322	32301184747	Nguyễn Thị	Phượng	27/11/1994	18DMN.SP	8.0	7.6	7.9	Đạt	
324	200323	32301194411	Nguyễn Thị Kim	Phượng	22/05/2001	19DMN.SP	7.7	10.0	8.3	Đạt	
325	200324	31604205051	Lương Thị Thanh	Phượng	10/03/1980	20LCDAN.SP	6.6	8.8	7.2	Đạt	
326	200325	32301205116	Võ Thị	Phượng	27/09/1992	20LTDMN.DN1	8.0	7.2	7.8	Đạt	
327	200326	32301205117	Đặng Thị	Phượng	15/04/1994	20LTDMN.DN1	7.9	7.2	7.7	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
							Nghe - Đọc - Viết	Nói			
328	200327	32301205119	Trần Thị	Phượng	11/01/1995	20LTDMN.DN1	7.4	7.2	7.4	Đạt	
329	200328	32301205401	Bùi Thị Bích	Phượng	20/05/1997	20LTDMN.SP	7.6	7.2	7.5	Đạt	
330	200329	32301205402	Nguyễn Thị	Phượng	11/01/1991	20LTDMN.SP	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
331	200330	32301205400	Phan Thị Minh	Phượng	25/11/1993	20LTDMN.SP	7.3	7.2	7.3	Đạt	
332	200640	32301194268	Nguyễn Thị Yên	Nhi	27/08/1995	19LTDMN.SP1	7.1	7.2	7.1	Đạt	
333	200331	32301194271	Hồ Nhan Vị	Quân	18/06/1993	19LTDMN.SP1	5.8	8.8	6.6	Đạt	
334	200332	32301184818	Lê Thị Kim	Quy	11/02/2000	18DMN.DN1	5.5	9.2	6.4	Đạt	
335	200333	32301174110	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	11/08/1999	17DMN.SP	4.3	9.2	5.5	Đạt	
336	200334	32301184749	Võ Thanh	Quyên	27/03/2000	18DMN.SP	4.9	8.4	5.8	Đạt	
337	200335	32301184750	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	11/09/1999	18DMN.SP	7.0	8.4	7.4	Đạt	
338	200336	32301194412	Lê Thị	Quỳnh	14/09/2001	19DMN.SP	6.8	8.4	7.2	Đạt	
339	200337	32301205120	Trương Thị	Quỳnh	04/01/1994	20LTDMN.DN1	5.6	8.8	6.4	Đạt	
340	200338	32301184751	Lê Thị	Sâm	12/10/2000	18DMN.SP	4.2	8.4	5.3	Đạt	
341	200339	32201205158	Thân Thị Thu	Sang	21/08/1994	20DTHB2.SP	5.4	8.8	6.3	Đạt	
342	200340	32301215022	Cao Thị	Sen	07/01/1996	21LCDMN.DN1	6.2	8.8	6.9	Đạt	
343	200341	32301184752	Phan Thị	Sinh	19/10/2000	18DMN.SP	3.3	8.4	4.6	Đạt	
344	200342	32301205031	Huỳnh Thị Mỹ	Sinh	31/10/1997	20DMN.DN3	6.6	8.8	7.2	Đạt	
345	200343	31604205052	Trình Đồng Thạch	Son	01/01/1984	20LCDAN.SP	4.5	8.8	5.6	Đạt	
346	200344	32301184820	Huỳnh Thị Ngọc	Sương	10/03/2000	18DMN.DN1	5.1	8.4	5.9	Đạt	
347	200345	32301184753	Lê Thị Diễm	Sương	06/11/1994	18DMN.SP	7.0	8.8	7.5	Đạt	
348	200346	32301194472	Phan Thị Thu	Sương	13/01/2000	19DMN.DN3	5.3	8.8	6.2	Đạt	
349	200347	32301205352	Lê Thị Bích	Tài	10/09/1996	20LTDMN.DN2	4.5	8.8	5.6	Đạt	
350	200348	32301184821	Lê Thị Thanh	Tâm	04/01/2000	18DMN.DN1	5.2	9.2	6.2	Đạt	
351	200349	32301184754	Nguyễn Thị	Tâm	01/07/2000	18DMN.SP	4.4	8.8	5.5	Đạt	
352	200350	32301184755	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	02/01/1987	18DMN.SP	5.5	9.2	6.4	Đạt	
353	200351	32301194473	Lê Thị	Tâm	16/07/2001	19DMN.DN3	3.7	8.8	5.0	Đạt	
354	200352	32201205218	Trần Thị Thanh	Tâm	25/02/1996	20DTHB2.DN3	6.2	8.4	6.8	Đạt	
355	200353	32201205219	Lê Nguyễn Linh	Tâm	25/07/1995	20DTHB2.DN3	5.5	8.4	6.2	Đạt	
356	200354	31604205054	Nguyễn Cao Hữu	Tâm	10/05/1980	20LCDAN.SP	4.3	9.2	5.5	Đạt	
357	200355	31604205055	Phạm Thị	Tâm	12/07/1983	20LCDAN.SP	4.5	9.2	5.7	Đạt	
358	200356	32301205123	Nguyễn Phúc Diệu	Tâm	08/04/1997	20LTDMN.DN1	5.0	8.4	5.9	Đạt	
359	200357	32301184756	Trương Thị Hồng	Thắm	17/03/2000	18DMN.SP	3.1	8.4	4.4	Đạt	
360	200358	32301194415	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	07/07/2000	19DMN.SP	6.1	9.2	6.9	Đạt	
361	200359	32201194549	Võ Thị Thu	Thắm	02/11/1992	19LCDTH.SP	6.3	9.2	7.0	Đạt	
362	200360	32301205124	Nguyễn Thị	Thắm	30/12/1976	20LTDMN.DN1	7.4	9.2	7.9	Đạt	
363	200639	32201205187	Nguyễn Thị Diệu	Hà	20/9/1996	20DTHB2.DN3	7.0	9.2	7.6	Đạt	
364	200361	32301184758	Ngô Thị Cẩm	Thanh	21/09/2000	18DMN.SP	8.1	7.2	7.9	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
							Nghe - Đọc - Viết	Nói			
365	200362	32301185017	Phạm Thị Cẩm	Thanh	23/08/1995	18LTĐMN.DN1	8.3	7.2	8.0	Đạt	
366	200363	32201194520	Nguyễn Thị Thiên	Thanh	28/11/1999	19DTH.DN3	8.2	8.0	8.2	Đạt	
367	200364	32201194521	Lê Thị	Thanh	01/10/1985	19DTH.DN3	8.8	7.2	8.4	Đạt	
368	200365	32201194522	Tổng Thị Kim	Thanh	03/01/1981	19DTH.DN3	8.4	7.6	8.2	Đạt	
369	200366	32301205034	Nguyễn Nhật Hồng	Thanh	23/11/1997	20DMN.DN3	7.9	8.4	8.0	Đạt	
370	200367	32201205220	Thị Thị Hoài	Thanh	13/07/1997	20DTHB2.DN3	7.9	7.2	7.7	Đạt	
371	200368	31604205056	Võ Thị	Thanh	02/02/1980	20LCDAN.SP	7.7	9.2	8.1	Đạt	
372	200369	32301205354	Mai Thị Huyền	Thanh	08/12/1998	20LTĐMN.DN2	7.9	9.6	8.3	Đạt	
373	200370	32301205353	Hồ Thị	Thanh	20/6/1993	20LTĐMN.DN2	8.3	7.2	8.0	Đạt	
374	200371	32301205403	Ngô Thị Hoài	Thanh	16/01/1998	20LTĐMN.SP	7.1	7.2	7.1	Đạt	
375	200372	32301205423	Nguyễn Thị	Thanh	10/06/1987	20LTĐMN.SP	7.1	8.0	7.3	Đạt	
376	200373	31604205057	Đặng Trung	Thành	01/08/1977	20LCDAN.SP	3.9	7.2	4.7	Đạt	
377	200374	32301184759	Đoàn Thị Phương	Thảo	09/01/2000	18ĐMN.SP	6.7	7.2	6.8	Đạt	
378	200375	32301184760	Lê Thị Phương	Thảo	16/05/2000	18ĐMN.SP	6.7	10.0	7.5	Đạt	
379	200376	32301184761	Huỳnh Thị Thu	Thảo	10/08/2000	18ĐMN.SP	7.2	7.2	7.2	Đạt	
380	200377	32201194435	Trần Thị Thu	Thảo	18/05/1996	19DTH.SP	6.7	8.0	7.0	Đạt	
381	200378	32201194550	Phạm Thanh	Thảo	05/09/1998	19LCDTH.SP	8.0	9.6	8.4	Đạt	
382	200379	32301194274	Lê Thị Thanh	Thảo	05/04/1997	19LTĐMN.SP1	7.5	9.6	8.0	Đạt	
383	200380	32201205221	Lê Nguyễn Thanh	Thảo	24/12/1995	20DTHB2.DN3	7.5	8.4	7.7	Đạt	
384	200381	32201205223	Nguyễn Thị	Thảo	20/08/1996	20DTHB2.DN3	6.8	7.2	6.9	Đạt	
385	200382	31604205058	Phan Bích	Thảo	04/11/1981	20LCDAN.SP	6.4	7.2	6.6	Đạt	
386	200383	32301205126	Phan Ngọc Phương	Thảo	11/11/1995	20LTĐMN.DN1	4.5	7.2	5.2	Đạt	
387	200384	32301205128	Nguyễn Thị Vân	Thảo	19/03/1998	20LTĐMN.DN1	5.7	7.2	6.1	Đạt	
388	200385	32301205129	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/06/1998	20LTĐMN.DN1	6.6	9.2	7.3	Đạt	
389	200386	32301205355	Đậu Hoài Bích	Thảo	10/02/1985	20LTĐMN.DN2	5.5	9.2	6.4	Đạt	
390	200387	32301205405	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/12/1996	20LTĐMN.SP	5.2	7.2	5.7	Đạt	
391	200388	32301205407	Phạm Thị Thu	Thảo	28/02/1996	20LTĐMN.SP	6.4	8.0	6.8	Đạt	
392	200389	32301215025	Nguyễn Thị	Thảo	19/11/1997	21LCDMN.DN1	6.3	7.2	6.5	Đạt	
393	200390	32301184762	Trần Thị Minh	Thị	06/08/2000	18ĐMN.SP	6.1	7.6	6.5	Đạt	
394	200391	32201194552	Nguyễn Thị	Thị	19/10/1988	19LCDTH.SP	5.0	7.2	5.6	Đạt	
395	200392	32301205130	Nguyễn Thị Anh	Thị	25/09/1998	20LTĐMN.DN1	5.8	8.0	6.4	Đạt	
396	200393	32201194572	Nguyễn Thị	Thiên	12/10/1986	19LTDTH.SP	6.2	8.0	6.7	Đạt	
397	200394	32201205162	Nguyễn Thị	Thiện	17/11/1996	20DTHB2.SP	6.6	8.8	7.2	Đạt	
398	200395	32201205163	Hứa Lê Đan	Thịnh	05/07/1996	20DTHB2.SP	8.5	9.2	8.7	Đạt	
399	200396	32301184763	Trần Thị Kim	Thoa	09/05/2000	18ĐMN.SP	7.0	8.8	7.5	Đạt	
400	200397	32301194474	Nguyễn Thị	Thoa	25/02/1999	19ĐMN.DN3	5.7	8.0	6.3	Đạt	
401	200398	32201194553	Nguyễn Thị Kim	Thoa	09/03/1997	19LCDTH.SP	6.6	8.8	7.2	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
						Nghe - Đọc - Viết	Nói			
402	200399	32301194475	Trần Thị Thôi	02/10/1997	19DMN.DN3	6.7	8.4	7.1	Đạt	
403	200400	32201205224	Nguyễn Thị Thời	04/03/1996	20DTHB2.DN3	6.4	8.4	6.9	Đạt	
404	200401	32201205165	Nguyễn Thị Thu	06/02/1995	20DTHB2.SP	6.7	10.0	7.5	Đạt	
405	200402	32301205422	Vô Thị Thanh Thu	28/12/1987	20LTDMN.SP	6.5	8.4	7.0	Đạt	
406	200403	32201205225	Nguyễn Thị Anh Thư	06/08/1990	20DTHB2.DN3	5.3	8.0	6.0	Đạt	
407	200404	32201205167	Nguyễn Thị Quỳnh Thư	07/05/1985	20DTHB2.SP	7.3	8.4	7.6	Đạt	
408	200405	31604205074	Trần Nguyễn Duy Thư	29/05/1979	20LCDAN.SP	7.4	8.8	7.8	Đạt	
409	200406	32301184764	Phạm Thị Mỹ Thuận	16/09/2000	18DMN.SP	5.8	8.4	6.5	Đạt	
410	200407	32201205168	Nguyễn Thị Thuận	01/02/1994	20DTHB2.SP	6.7	8.8	7.2	Đạt	
411	200408	32201194528	Bạch Thu Thương	17/02/1991	19DTH.DN3	6.2	8.4	6.8	Đạt	
412	200409	32301194278	Lê Thị Thương	07/04/1998	19LTDMN.SP1	5.7	8.0	6.3	Đạt	
413	200410	32301205132	Vô Thị Hoài Thương	10/11/1998	20LTDMN.DN1	6.0	8.0	6.5	Đạt	
414	200411	32301205409	Trương Thị Hoài Thương	07/09/1988	20LTDMN.SP	6.7	9.6	7.4	Đạt	
415	200412	32301205133	Trần Thị Thái Thương	19/07/1998	20LTDMN.DN1	7.5	8.4	7.7	Đạt	
416	200413	32301194476	Hạ Thị Ngọc Thúy	10/07/1992	19DMN.DN3	7.3	8.4	7.6	Đạt	
417	200414	32201205228	Nguyễn Thị Thanh Thúy	21/10/1995	20DTHB2.DN3	7.0	9.6	7.7	Đạt	
418	200415	32201205170	Huỳnh Thị Thanh Thúy	03/02/1997	20DTHB2.SP	5.8	8.4	6.5	Đạt	
419	200416	32301205410	Vô Thị Phương Thúy	19/07/1995	20LTDMN.SP	6.6	9.2	7.3	Đạt	
420	200417	32301184766	Mai Thị Thùy	09/04/2000	18DMN.SP	6.6	8.4	7.1	Đạt	
421	200418	32301184767	Lê Thị Ngọc Thùy	21/04/1999	18DMN.SP	6.9	8.0	7.2	Đạt	
422	200419	32201205229	Lê Thị Thùy	05/09/1995	20DTHB2.DN3	7.4	8.4	7.7	Đạt	
423	200420	32201205171	Nguyễn Thị Thu Thùy	06/12/1992	20DTHB2.SP	7.2	8.8	7.6	Đạt	
424	200421	32301205356	Vô Thị Thùy	12/07/1987	20LTDMN.DN2	7.0	8.0	7.3	Đạt	
425	200422	32301205357	Dương Thị Kim Thùy	23/01/1996	20LTDMN.DN2	6.9	9.6	7.6	Đạt	
426	200423	32301184823	Đỗ Thị Thu Thủy	16/05/1999	18DMN.DN1	7.5	8.0	7.6	Đạt	
427	200424	32301184768	Lê Thị Thủy	18/06/2000	18DMN.SP	7.5	7.2	7.4	Đạt	
428	200425	32201194554	Cao Thị Thanh Thủy	20/09/1996	19LCDTH.SP	5.2	8.4	6.0	Đạt	
429	200426	32301194280	Huỳnh Thị Kim Thủy	04/03/1997	19LTDMN.SP1	6.5	7.2	6.7	Đạt	
430	200427	32301194283	Châu Thanh Thủy	10/03/1989	19LTDMN.SP1	5.5	7.2	5.9	Đạt	
431	200428	32201205172	Trần Thu Thủy	04/07/1997	20DTHB2.SP	7.3	8.4	7.6	Đạt	
432	200429	31604205061	Phan Thị Thanh Thủy	19/11/1981	20LCDAN.SP	7.4	7.2	7.4	Đạt	
433	200430	32301205359	Nguyễn Thị Thủy	10/09/1994	20LTDMN.DN2	7.2	7.6	7.3	Đạt	
434	200431	32301205358	Nguyễn Thị Thanh Thủy	26/9/1980	20LTDMN.DN2	7.3	7.2	7.3	Đạt	
435	200432	32301184772	Nguyễn Thị Phương Thy	26/04/2000	18DMN.SP	8.1	7.2	7.9	Đạt	
436	200433	32301184825	Hồ Thị Tiên	10/02/2000	18DMN.DN1	7.6	8.0	7.7	Đạt	
437	200434	32301194477	Nguyễn Ngô Trần Tiên	14/07/1998	19DMN.DN3	6.3	7.2	6.5	Đạt	
438	200435	32201194555	Hồ Thị Thủy Tiên	05/07/1977	19LCDTH.SP	7.7	8.0	7.8	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
							Nghe - Đọc - Viết	Nói			
439	200436	32301205135	Lê Thị Ánh	Tiên	04/04/1998	20LTDMN.DN1	6.1	7.2	6.4	Đạt	
440	200437	32301205411	Phạm Thị Thủy	Tiên	27/10/1985	20LTDMN.SP	7.1	7.2	7.1	Đạt	
441	200438	32201205230	Nguyễn Thị	Tin	13/10/1996	20DTHB2.DN3	6.4	8.0	6.8	Đạt	
442	200439	32301184826	Lê Thị	Tinh	14/09/2000	18DMN.DN1	8.2	7.2	8.0	Đạt	
443	200440	32301184827	Ngô Thị Thanh	Trà	08/03/2000	18DMN.DN1	7.5	7.2	7.4	Đạt	
444	200441	32301184828	Trương Thị Ngọc	Trâm	26/04/1994	18DMN.DN1	7.9	8.8	8.1	Đạt	
445	200442	32301184774	Võ Yến	Trâm	26/10/2000	18DMN.SP	7.7	7.2	7.6	Đạt	
446	200443	32301184775	Phan Thị Khánh	Trâm	09/11/2000	18DMN.SP	7.8	7.2	7.7	Đạt	
447	200444	32201194439	Nguyễn Thị Thủy	Trâm	20/02/1994	19DTH.SP	7.6	7.6	7.6	Đạt	
448	200445	32201194440	Thái Phương	Trâm	28/04/1997	19DTH.SP	8.2	7.2	8.0	Đạt	
449	200446	32301205060	Nguyễn Bích	Trâm	11/07/1989	20DMN.DN1	9.0	10.0	9.3	Đạt	
450	200447	32201205232	Phạm Thị Bích	Trâm	26/07/1996	20DTHB2.DN3	6.5	7.6	6.8	Đạt	
451	200448	31604205062	Trần Thị Thu	Trâm	10/07/1980	20LCDAN.SP	7.6	7.2	7.5	Đạt	
452	200449	32301215026	Võ Thị Hằng	Trâm	22/10/1984	21LCDMN.DN1	8.0	7.2	7.8	Đạt	
453	200450	32301174142	Phạm Thị Ngọc	Trâm	13/11/1999	17DMN.SP	7.7	7.6	7.7	Đạt	
454	200451	32301184776	Nguyễn Bảo	Trân	01/02/2000	18DMN.SP	6.7	7.6	6.9	Đạt	
455	200452	32301184829	Nguyễn Thị	Trang	23/11/1999	18DMN.DN1	7.7	7.6	7.7	Đạt	
456	200453	32301194479	Huỳnh Huyền	Trang	08/10/1998	19DMN.DN3	7.7	8.0	7.8	Đạt	
457	200454	32301194418	Võ Thị Thu	Trang	24/09/2001	19DMN.SP	5.6	7.2	6.0	Đạt	
458	200455	32201194532	Đinh Thị Thùy	Trang	06/01/1995	19DTH.DN3	7.0	7.2	7.1	Đạt	
459	200456	32201194533	Đinh Minh	Trang	21/01/1991	19DTH.SP	6.9	7.6	7.1	Đạt	
460	200457	32201194556	Lê Thị	Trang	05/09/1992	19LCDTH.SP	6.4	7.2	6.6	Đạt	
461	200458	32301194287	Trần Thị Phương	Trang	25/12/1993	19LTDMN.SP1	5.1	7.2	5.6	Đạt	
462	200459	32301194285	Phan Thị Kiều	Trang	20/08/1996	19LTDMN.SP1	6.0	7.6	6.4	Đạt	
463	200460	32301194286	Lê Thị	Trang	06/07/1998	19LTDMN.SP1	6.7	7.2	6.8	Đạt	
464	200461	32301194089	Huỳnh Thị Minh	Trang	14/10/1992	19LTDMN.TP3.1	7.2	7.2	7.2	Đạt	
465	200462	32301205035	Nguyễn Thị Vinh	Trang	09/03/1993	20DMN.DN3	6.0	8.0	6.5	Đạt	
466	200463	32201205008	Nguyễn Thị Thanh	Trang	08/10/2001	20DTH.DN3	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
467	200464	32201205009	Phùng Thị	Trang	29/09/1998	20DTH.DN3	7.2	8.4	7.5	Đạt	
468	200465	32201205010	Nguyễn Thị Thu	Trang	20/06/1998	20DTH.DN3	6.8	7.6	7.0	Đạt	
469	200466	32201205176	Phan Thị Thùy	Trang	05/03/1996	20DTHB2.SP	7.0	9.6	7.7	Đạt	
470	200467	32201205175	Đặng Thị	Trang	19/04/1995	20DTHB2.SP	6.2	9.2	7.0	Đạt	
471	200468	31604205063	Trần Thị Thu	Trang	01/06/1991	20LCDAN.SP	3.9	8.8	5.1	Đạt	
472	200469	31604205073	Trần Thị Thùy	Trang	16/12/1980	20LCDAN.SP	7.5	7.2	7.4	Đạt	
473	200470	32301205138	Nguyễn Thị Huyền	Trang	25/07/1994	20LTDMN.DN1	5.1	7.2	5.6	Đạt	
474	200471	32301205139	Đặng Thị Thùy	Trang	18/04/1999	20LTDMN.DN1	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
475	200472	32301205360	Đào Thị Xuân	Trang	28/10/1994	20LTDMN.DN2	4.3	7.2	5.0	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
						Nghe - Đọc - Viết	Nói			
476	200473	32301205413	Huỳnh Phan Thùy	Trang	05/02/1998	20LTDMN.SP	4.6	7.2	5.3	Đạt
477	200474	32301205414	Nguyễn Thị Diệu	Trang	11/05/1996	20LTDMN.SP	6.8	7.6	7.0	Đạt
478	200475	32301205412	Võ Thị Huyền	Trang	01/03/1998	20LTDMN.SP	3.2	7.6	4.3	Đạt
479	200476	32301184778	Hồ Thị	Triều	11/01/2000	18DMN.SP	4.6	7.6	5.4	Đạt
480	200477	32301184830	Phan Thị Kim	Trình	14/09/1996	18DMN.DN1	4.5	7.2	5.2	Đạt
481	200478	32301184831	Hồ Thị Ngọc	Trình	08/05/1998	18DMN.DN1	6.8	8.4	7.2	Đạt
482	200479	32301184779	Ông Thị Tố	Trình	18/05/2000	18DMN.SP	4.6	8.8	5.7	Đạt
483	200480	32301194480	Ngô Thị Tuyết	Trình	10/09/1998	19DMN.DN3	4.6	8.4	5.6	Đạt
484	200481	32301194290	Nguyễn Thị Đăng	Trình	15/01/1993	19LTDMN.SP1	5.0	8.4	5.9	Đạt
485	200482	32301194289	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	01/01/1995	19LTDMN.SP1	6.9	7.2	7.0	Đạt
486	200483	32201205011	Đoàn Vũ Mai	Trình	20/04/1986	20DTH.DN3	6.7	7.6	6.9	Đạt
487	200484	32201205235	Huỳnh Thị Kiều	Trình	22/11/1994	20DTHB2.DN3	5.3	9.6	6.4	Đạt
488	200485	32201205236	Thân Lê Thị Tú	Trình	24/04/1995	20DTHB2.DN3	8.2	7.2	8.0	Đạt
489	200486	32201205177	Lê Thị Phương	Trình	22/07/1996	20DTHB2.SP	7.7	8.8	8.0	Đạt
490	200487	32301184781	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	02/02/2000	18DMN.SP	4.7	7.2	5.3	Đạt
491	200488	32301194419	Lê Thị Thanh	Tú	26/10/1999	19DMN.SP	5.2	7.2	5.7	Đạt
492	200489	32301194293	Đỗ Thị Thanh	Tùng	28/09/1998	19LTDMN.SP1	4.0	7.2	4.8	Đạt
493	200490	32301194294	Võ Thị	Tượng	09/04/1997	19LTDMN.SP1	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
494	200491	32301205361	Nguyễn Thị Ngọc	Túy	31/1/1994	20LTDMN.DN2	6.2	8.8	6.9	Đạt
495	200492	32301184782	Nguyễn Thị Thảo	Tuyên	28/04/2000	18DMN.SP	6.7	8.0	7.0	Đạt
496	200493	32301194481	Nguyễn Thị Kim	Tuyên	27/08/1991	19DMN.DN3	5.6	8.0	6.2	Đạt
497	200494	32301194295	Mai Trần Kim	Tuyên	19/11/1997	19LTDMN.SP1	6.0	9.2	6.8	Đạt
498	200495	31604205066	Lê Thị Kim	Tuyên	20/10/1978	20LCDAN.SP	2.4	7.2	3.6	Không đạt
499	200496	32301194482	Trần Thị Mộng	Tuyên	11/06/1998	19DMN.DN3	5.3	7.6	5.9	Đạt
500	200497	32301184783	Trần Thị Ánh	Tuyết	13/10/2000	18DMN.SP	5.3	7.2	5.8	Đạt
501	200498	32301205141	Trương Thị Bạch	Tuyết	01/11/1965	20LTDMN.DN1	6.8	8.0	7.1	Đạt
502	200499	32301205037	Ngô Thị	Tuyn	15/03/1996	20DMN.DN3	4.1	7.2	4.9	Đạt
503	200500	32301184784	Phan Thị Hồng	Uyên	29/12/2000	18DMN.SP	5.8	7.6	6.3	Đạt
504	200501	32301194483	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	05/01/1991	19DMN.DN3	5.2	7.2	5.7	Đạt
505	200502	32201194443	Nguyễn Lê Phương	Uyên	17/11/2001	19DTH.SP	6.0	7.6	6.4	Đạt
506	200503	32301205063	Trần Thị Khánh	Uyên	25/06/2001	20DMN.DN1	3.4	7.2	4.4	Đạt
507	200504	32201205237	Nguyễn Hào	Uyên	15/08/1991	20DTHB2.DN3	4.2	7.6	5.1	Đạt
508	200505	32301205142	Phan Nguyễn Diệu	Uyên	05/02/1995	20LTDMN.DN1	4.4	7.6	5.2	Đạt
509	200506	32301184787	Trần Thị	Vân	10/01/2000	18DMN.SP	5.5	8.0	6.1	Đạt
510	200507	32201194537	Nguyễn Thị Ái	Vân	06/03/1991	19DTH.DN3	6.6	7.6	6.9	Đạt
511	200508	32201194575	Nguyễn Thị Thúy	Vân	30/09/1998	19LTDTH.SP	5.6	7.6	6.1	Đạt
512	200509	32201205239	Nguyễn Thị Khánh	Vân	20/07/1990	20DTHB2.DN3	6.6	8.0	7.0	Đạt

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
						Nghe - Đọc - Viết	Nói			
513	200510	31604205069	Hoàng Thị Hồng Vân	13/09/1979	20LCDAN.SP	5.7	7.6	6.2	Đạt	
514	200511	31604205068	Phạm Thị Hồng Vân	27/09/1991	20LCDAN.SP	5.0	7.6	5.7	Đạt	
515	200512	32301205143	Nguyễn Thị Thanh Vân	24/09/1998	20LTDMN.DN1	4.6	8.0	5.5	Đạt	
516	200513	32301215028	Phạm Thị Bích Vân	15/10/1977	21LCDMN.DN1	5.7	7.6	6.2	Đạt	
517	200514	32301194484	Lâm Thị Vắn	27/01/1998	19DMN.DN3	6.6	8.0	7.0	Đạt	
518	200515	32301205039	Trần Thị Như Vắn	01/01/1984	20DMN.DN3	3.8	8.0	4.9	Đạt	
519	200516	32301194485	Trần Thị Vi	25/10/2000	19DMN.DN3	7.2	7.2	7.2	Đạt	
520	200517	32301194486	Đoàn Lê Tường Vi	14/02/2000	19DMN.DN3	5.2	7.2	5.7	Đạt	
521	200518	32301194420	Lương Thị Vi	05/07/2001	19DMN.SP	9.0	7.6	8.7	Đạt	
522	200519	32201194444	Đặng Thị Thanh Vi	02/10/1988	19DTH.SP	8.3	8.0	8.2	Đạt	
523	200520	32301205040	Cao Thị Tường Vi	03/02/1996	20DMN.DN3	7.8	7.2	7.7	Đạt	
524	200521	32201205240	Nguyễn Thị Tường Vi	11/02/1997	20DTHB2.DN3	8.1	8.0	8.1	Đạt	
525	200522	32301205417	Ngô Thị Thảo Vi	14/02/1998	20LTDMN.SP	6.4	8.0	6.8	Đạt	
526	200523	32301184788	Đoàn Thị Thanh Viên	01/02/2000	18DMN.SP	8.2	7.2	8.0	Đạt	
527	200524	31604205070	Phạm Thảo Viên	04/04/1997	20LCDAN.SP	9.0	7.6	8.7	Đạt	
528	200525	32301184834	Lê Thị Vinh	21/04/2000	18DMN.DN1	7.9	7.2	7.7	Đạt	
529	200526	32201194539	Phạm Quỳnh Anh Vũ	08/04/1992	19DTH.DN3	7.7	9.2	8.1	Đạt	
530	200527	32301194487	Trần Thị Minh Vy	06/09/2000	19DMN.DN3	6.8	7.6	7.0	Đạt	
531	200528	32301194488	Nguyễn Thị Thảo Vy	19/07/1998	19DMN.DN3	7.9	8.0	7.9	Đạt	
532	200529	32301194422	Hồ Đặng Thảo Vy	10/11/2000	19DMN.SP	7.2	7.2	7.2	Đạt	
533	200530	32201194559	Trương Thị Thảo Vy	19/05/1982	19LCDTH.SP	9.2	8.0	8.9	Đạt	
534	200531	32201194560	Đinh Trần Tường Vy	02/09/1978	19LCDTH.SP	8.9	7.6	8.6	Đạt	
535	200532	32301194298	Nguyễn Thị Hồng Vy	06/04/1998	19LTDMN.SP1	9.1	7.6	8.7	Đạt	
536	200533	32301205362	Nguyễn Khánh Vy	10/09/1993	20LTDMN.DN2	9.3	8.4	9.1	Đạt	
537	200534	32301205419	Nguyễn Mai Vy	16/05/1995	20LTDMN.SP	8.4	8.4	8.4	Đạt	
538	200535	31604205071	Huỳnh Thị Ánh Xuân	07/05/1989	20LCDAN.SP	8.3	8.0	8.2	Đạt	
539	200536	32301205147	Hoàng Thị Xuân	26/06/1989	20LTDMN.DN1	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
540	200537	32301205148	Ngô Thị Thanh Xuân	19/07/1995	20LTDMN.DN1	8.5	8.0	8.4	Đạt	
541	200538	32301205420	Lê Viết Nhật Ý	05/08/1997	20LTDMN.SP	9.3	8.0	9.0	Đạt	
542	200539	32301184790	Huỳnh Thị Kim Yên	05/01/2000	18DMN.SP	9.3	7.6	8.9	Đạt	
543	200540	32301194489	Võ Thị Như Yên	04/06/1982	19DMN.DN3	6.5	7.2	6.7	Đạt	
544	200541	32201194540	Trần Thị Hoàng Yên	10/11/1995	19DTH.DN3	8.4	8.4	8.4	Đạt	
545	200542	32301194299	Trần Thị Yên	10/06/1998	19LTDMN.SP1	9.2	8.0	8.9	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
						Nghe - Đọc - Viết	Nói			
546	200543	32201205241	Nguyễn Thị Hoàng Yến	03/04/1990	20DTHB2.DN3	8.3	7.2	8.0	Đạt	
547	200544	32301205151	Lê Thị Kim Yến	24/11/1995	20LTDMN.DN1	7.4	8.0	7.6	Đạt	
548	200545	32301205150	Trần Hải Yến	11/11/1995	20LTDMN.DN1	8.6	7.6	8.4	Đạt	
549	200546	32301205421	Lê Thị Kim Yến	04/10/1994	20LTDMN.SP	6.8	7.6	7.0	Đạt	
550	200547	32301194576	Nguyễn Thị Hoàng Ân	11/10/1996	19LTDMN.QNG1	8.1	7.2	7.9	Đạt	
551	200548	32201194660	Nguyễn Thị Kiều Anh	02-10-1997	19LTDTH.QNG	9.1	8.0	8.8	Đạt	
552	200549	32301194677	Đỗ Thị Ly Bình	17/06/1997	19LTDMN.QNG1	8.3	8.0	8.2	Đạt	
553	200550	32301194578	Nguyễn Thị Buôi	12-08-1996	19LTDMN.QNG2	8.9	7.2	8.5	Đạt	
554	200551	32201194661	Lê Thị Cẩm	10-07-1996	19LTDTH.QNG	8.0	7.2	7.8	Đạt	
555	200552	32301194579	Nguyễn Tấn Song Châu	09-02-1996	19LTDMN.QNG2	9.2	7.2	8.7	Đạt	
556	200553	32301194679	Trần Thị Ngọc Chí	14/02/1997	19LTDMN.QNG1	9.3	7.6	8.9	Đạt	
557	200554	32301194583	Võ Thị Lê Diễm	02/02/1988	19LTDMN.QNG1	9.1	10.0	9.3	Đạt	
558	200555	32301194682	Quảng Nữ Kiều Diễm	02/05/1998	19LTDMN.QNG1	8.9	7.2	8.5	Đạt	
559	200556	32301194582	Lê Thị Mỹ Diễm	30-04-1996	19LTDMN.QNG2	9.0	7.2	8.6	Đạt	
560	200557	32301194680	Trần Thị Hồng Diễm	16-11-1993	19LTDMN.QNG2	8.4	7.2	8.1	Đạt	
561	200558	32301194683	Bùi Thị Ngọc Diệp	19/09/1999	19LTDMN.QNG1	8.1	7.2	7.9	Đạt	
562	200559	32301205072	Nguyễn Thị Đình Đình	10/7/1996	20LTDMN.DN1	8.9	7.2	8.5	Đạt	
563	200560	32201194760	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	28-01-1998	19LTDTH.QNG	8.6	7.6	8.4	Đạt	
564	200561	32301174541	Phạm Thị Trà Giang	8/3/1996	17LTDMN.QNG1	8.6	7.2	8.3	Đạt	
565	200562	32301194687	Hoàng Hương Giang	15/03/1997	19LTDMN.QNG1	7.6	7.2	7.5	Đạt	
566	200563	32301194688	Trương Thị Giang	17/02/1992	19LTDMN.QNG1	8.4	7.2	8.1	Đạt	
567	200564	32301194588	Võ Thị Giang	14-03-1990	19LTDMN.QNG2	8.8	7.6	8.5	Đạt	
568	200565	32301194689	Hồ Thị Hà	10-10-1988	19LTDMN.QNG2	7.8	7.6	7.8	Đạt	
569	200566	32301194589	Nguyễn Thị Bích Hằng	25-10-1997	19LTDMN.QNG2	8.4	7.6	8.2	Đạt	
570	200567	32301194691	Võ Thị Thúy Hằng	06-09-1998	19LTDMN.QNG2	9.1	7.2	8.6	Đạt	
571	200568	32201194662	Võ Thị Thanh Hằng	09-01-1995	19LTDTH.QNG	9.0	8.0	8.8	Đạt	
572	200569	32301194592	Hồ Thị Hạnh	28/12/1987	19LTDMN.QNG1	8.9	8.4	8.8	Đạt	
573	200570	32301194591	Đặng Thị Mỹ Hạnh	24/02/1984	19LTDMN.QNG1	8.5	8.0	8.4	Đạt	
574	200571	32301194694	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	26-12-1997	19LTDMN.QNG1	9.2	8.0	8.9	Đạt	
575	200572	32201194761	Cao Thị Mỹ Hạnh	17-09-1993	19LTDTH.QNG	9.1	7.6	8.7	Đạt	
576	200573	32201194762	Huỳnh Thị Khánh Hậu	20-10-1996	19LTDTH.QNG	9.2	7.6	8.8	Đạt	
577	200574	32301194594	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/09/1995	19LTDMN.QNG1	8.1	9.2	8.4	Đạt	
578	200575	32301194593	Võ Thị Thu Hiền	12-04-1990	19LTDMN.QNG2	8.2	8.8	8.4	Đạt	
579	200576	32201194763	Phạm Thị Thu Hiền	17-07-1997	19LTDTH.QNG	8.3	7.6	8.1	Đạt	
580	200577	32201194664	Hồ Thị Hương	02-02-1994	19LTDTH.QNG	8.1	7.6	8.0	Đạt	
581	200578	32301184323	Trần Thị Thu Hường	9/1/1994	18LTDMN.QNG1	7.7	8.0	7.8	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
							Nghe - Đọc - Viết	Nói			
582	200579	32301194596	Nguyễn Thị Thu	Hường	26-02-1989	19LTDMN.QNG2	8.2	7.6	8.1	Đạt	
583	200580	32301194706	Trần Thị	Kết	12-11-1993	19LTDMN.QNG2	8.1	7.2	7.9	Đạt	
584	200581	32301194598	Dương Thị	Khương	20-08-1995	19LTDMN.QNG2	8.5	7.6	8.3	Đạt	
585	200582	32301194599	Nguyễn Thị Ái	Kiều	17-03-1993	19LTDMN.QNG2	9.3	7.2	8.8	Đạt	
586	200583	32301194600	Hồ Thị	Kim	10/02/1993	19LTDMN.QNG1	8.1	7.2	7.9	Đạt	
587	200584	32301194601	Hồ Thị	Lai	12-04-1994	19LTDMN.QNG2	8.6	10.0	9.0	Đạt	
588	200585	32301194602	Lê Thị Mỹ	Lại	04-05-1995	19LTDMN.QNG2	7.4	7.6	7.5	Đạt	
589	200586	32301194606	Huỳnh Thị	Luyện	08/07/1994	19LTDMN.QNG1	8.0	8.8	8.2	Đạt	
590	200587	32301194713	Nguyễn Vũ Vy	Ly	03-08-1993	19LTDMN.QNG2	8.6	8.8	8.7	Đạt	
591	200588	32301194607	Võ Thị	Mẫn	23-05-1994	19LTDMN.QNG2	8.2	7.6	8.1	Đạt	
592	200589	32301194608	Nguyễn Thị Ánh	My	08-07-1992	19LTDMN.QNG2	8.5	10.0	8.9	Đạt	
593	200590	32201194772	Nguyễn Thị Thu	Na	22-01-1998	19LTDTH.QNG	9.3	9.2	9.3	Đạt	
594	200591	32301194720	Dương Thị Thúy	Ngân	28/06/1998	19LTDMN.QNG1	8.5	7.6	8.3	Đạt	
595	200592	32301194611	Võ Thị Thanh	Nhàn	20/10/1996	19LTDMN.QNG1	7.5	8.0	7.6	Đạt	
596	200593	32301194610	Trương Thị Thanh	Nhàn	09-08-1996	19LTDMN.QNG2	8.3	8.0	8.2	Đạt	
597	200594	32301194615	Lê Thị Bích	Nữ	20/08/1995	19LTDMN.QNG1	7.6	7.2	7.5	Đạt	
598	200595	32301194613	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	27-05-1990	19LTDMN.QNG2	8.1	8.0	8.1	Đạt	
599	200596	32301194617	Huỳnh Thị	Phương	13/04/1995	19LTDMN.QNG1	8.3	8.8	8.4	Đạt	
600	200597	32201194778	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	22-12-1996	19LTDTH.QNG	8.3	7.2	8.0	Đạt	
601	200598	32301194730	Phạm Thị	Phượng	10/09/1991	19LTDMN.QNG1	7.5	7.2	7.4	Đạt	
602	200599	32301194619	Trần Ngọc	Quỳnh	16/10/1995	19LTDMN.QNG1	8.3	7.2	8.0	Đạt	
603	200600	32301194618	Trần Ngọc	Quỳnh	08-02-1990	19LTDMN.QNG2	8.0	8.8	8.2	Đạt	
604	200601	32201194779	Trần Diễm	Quỳnh	27-08-1998	19LTDTH.QNG	8.6	7.2	8.3	Đạt	
605	200602	32301194733	Phạm Thị Ánh	Sen	10-05-1995	19LTDMN.QNG2	8.5	8.0	8.4	Đạt	
606	200603	32301194623	Phan Thị Thu	Sương	24/09/1997	19LTDMN.QNG1	8.1	8.8	8.3	Đạt	
607	200604	32301194625	Hồ Thị	Thanh	12-04-1992	19LTDMN.QNG2	7.4	8.4	7.7	Đạt	
608	200605	32301194630	Phan Nguyễn Diệu	Thảo	23/05/1996	19LTDMN.QNG1	8.5	7.2	8.2	Đạt	
609	200606	32301194628	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08-10-1980	19LTDMN.QNG2	6.4	7.2	6.6	Đạt	
610	200607	32301194736	Nguyễn Thị Bích	Thảo	18-05-1997	19LTDMN.QNG2	7.8	7.2	7.7	Đạt	
611	200608	32201194669	Hồ Ngọc	Thảo	09-12-1992	19LTDTH.QNG	8.9	7.2	8.5	Đạt	
612	200609	32201194668	Nguyễn Thị Bích	Thảo	28-04-1997	19LTDTH.QNG	8.3	8.8	8.4	Đạt	
613	200610	32201194787	Đàm Văn	Thịnh	20-11-1997	19LTDTH.QNG	8.2	8.8	8.4	Đạt	
614	200611	32301194632	Nguyễn Thị	Thoa	20-10-1980	19LTDMN.QNG2	7.8	9.2	8.2	Đạt	
615	200612	32301194633	Trần Thị	Thoại	02-10-1988	19LTDMN.QNG2	8.0	8.8	8.2	Đạt	
616	200613	32301194635	Hồ Thị	Thu	22-06-1991	19LTDMN.QNG2	7.8	7.2	7.7	Đạt	
617	200614	32301194739	Lê Thị Hòa	Thu	06-12-1997	19LTDMN.QNG2	7.9	7.2	7.7	Đạt	
618	200615	32201194788	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	01-06-1997	19LTDTH.QNG	8.5	8.0	8.4	Đạt	

STT	SBD	MSV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Kết quả		Điểm Trung bình	Kết quả	Ghi chú
						Nghe - Đọc - Viết	Nói			
619	200616	32201194671	Đặng Thị Thuận	16-02-1996	19LTDTH.QNG	8.3	7.6	8.1	Đạt	
620	200617	32301194636	Lê Thị Thương	10/04/1993	19LTDMN.QNG1	8.3	8.8	8.4	Đạt	
621	200618	32301194637	Nguyễn Thị Thanh Thúy	22-07-1987	19LTDMN.QNG2	8.1	8.0	8.1	Đạt	
622	200619	32301194638	Nguyễn Thị Thu Thúy	02-07-1997	19LTDMN.QNG2	8.0	8.8	8.2	Đạt	
623	200620	32301194741	Đoàn Thị Thúy	14-06-1994	19LTDMN.QNG2	8.4	7.2	8.1	Đạt	
624	200621	32301194745	Phạm Thị Thủy	15-02-1990	19LTDMN.QNG2	7.4	8.0	7.6	Đạt	
625	200622	32301194747	Hồ Thị Thủy	10-03-1993	19LTDMN.QNG2	7.4	7.2	7.4	Đạt	
626	200623	32301194641	Lê Thị Phương Thụy	15/12/1983	19LTDMN.QNG1	7.8	7.6	7.8	Đạt	
627	200624	32201194792	Lê Thị Cẩm Tiên	29-09-1997	19LTDTH.QNG	8.5	8.0	8.4	Đạt	
628	200625	32301174512	Hồ Thị Tiết	11/3/1993	17LTDMN.QNG1	7.6	7.2	7.5	Đạt	
629	200626	32201194672	Hoàng Nguyễn Ngọc Toại	02-02-1990	19LTDTH.QNG	8.0	8.8	8.2	Đạt	
630	200627	32301194644	Phạm Thúy Trâm	25-06-1994	19LTDMN.QNG2	7.5	8.0	7.6	Đạt	
631	200628	32301194750	Hồ Thị Trâm	09-09-1995	19LTDMN.QNG2	7.6	7.2	7.5	Đạt	
632	200629	32301194647	Cao Thị Thu Trinh	05/08/1995	19LTDMN.QNG1	7.8	8.8	8.1	Đạt	
633	200630	32301194648	Nguyễn Thị Việt Trinh	10-10-1992	19LTDMN.QNG2	7.9	8.0	7.9	Đạt	
634	200631	32301194649	Đinh Thị Trơ	10-02-1995	19LTDMN.QNG2	9.0	7.2	8.6	Đạt	
635	200632	32301194650	Nguyễn Thị Trúc	10-06-1993	19LTDMN.QNG2	8.3	7.6	8.1	Đạt	
636	200633	32201194674	Nguyễn Thị Tuyền	19-10-1996	19LTDTH.QNG	8.9	8.4	8.8	Đạt	
637	200634	32201194798	Trần Thị Kim Tuyền	15-07-1995	19LTDTH.QNG	8.7	8.8	8.7	Đạt	
638	200635	32301194651	Phạm Thị Ánh Tuyết	28-02-1995	19LTDMN.QNG2	8.3	7.6	8.1	Đạt	
639	200636	32301194652	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	16-01-1974	19LTDMN.QNG2	7.8	7.2	7.7	Đạt	
640	200637	32301194653	Đỗ Thị Xuân Uyên	07-07-1994	19LTDMN.QNG2	8.2	7.6	8.1	Đạt	
641	200638	32301194658	Nguyễn Trần Vương	16-10-1993	19LTDMN.QNG2	9.0	7.2	8.6	Đạt	

Ấn định danh sách này có 641 thí sinh, trong đó:

- Có: 631 thí sinh đạt;

- Có: 01 thí sinh không đạt.

- Vắng thi: 09 thí sinh.

Cán bộ đọc điểm

Cán bộ nhập điểm

Cán bộ kiểm tra

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 4 năm 2022

Hội đồng thi